

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 07-01-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp

2. Ông Nguyễn Văn Kiện

Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn D, chức vụ Trưởng Phòng giao dịch C – Ngân hàng TMCP S – chi nhánh Kiên Giang (Theo Giấy uỷ quyền số 10/GUQ-CNKG, ngày 04-12-2020) (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Danh Ng, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04-12-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S trình bày như sau:

Ngày 27-8-2019, ông Danh Ng có ký với Ngân hàng TMCP S – chi nhánh Kiên Giang - PGD C (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (các tài liệu này được gọi chung là hợp

đồng). Căn cứ thu nhập của ông Ng, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Ng đã thực hiện các giao dịch từ ngày 22-9-2019 đến ngày 22-3-2020 với tổng số tiền là 23.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ 22-9-2019 cho đến nay, ông Ng đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 7.200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.258.359 đồng, tiền lãi, phí là 3.941.641 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông Ng vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Ng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23-3-2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 19.741.641 sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Danh Ng trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 19.741.641 đồng và lãi quá hạn đến ngày xét xử 07-01-2022 là 16.835.671, tổng cộng là 36.577.312 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Danh Ng: Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa ông Ng vắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Vi phạm thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 04-12-2020 Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện yêu cầu ông Danh Ng trả tiền nợ vay cho Ngân hàng. Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Danh Ng không có mặt theo Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

Toà án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc ông Ng thanh toán số tiền nợ gốc giao dịch qua thẻ là 19.741.641 đồng và lãi quá hạn đến ngày xét xử 07-01-2022 là 16.835.671, tổng cộng là 36.577.312 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính kể từ ngày 08-01-2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ, Toà án nhận thấy:

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được ký kết giữa các bên ngày 27-8-2019, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và bản kê chi tiết các khoản nợ đã trả và còn phải trả do nguyên đơn Ngân hàng TMCP S cung cấp và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở xác định giữa ông Danh Ng và Ngân hàng có quan hệ vay tiền qua hình thức hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng. Hiện nay ông Ng còn nợ Ngân hàng số tiền tính đến ngày xét xử 07-01-2022 các khoản tiền sau: Nợ gốc còn lại là 19.741.641 đồng và tiền nợ lãi phát sinh tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ ngày 22-3-2020 đến ngày xét xử 07-01-2022 là 16.835.671 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 36.577.312 đồng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Ng trả toàn bộ số tiền nợ trên và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (07-01-2022) cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận, bởi vì :

Tính đến ngày 22-3-2020 ông Ng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đến ngày 23-3-2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Ng và số tiền được kết toán là 19.741.641 đồng. Ngân hàng đã thông báo cho ông Ng biết và yêu cầu ông Ng thực hiện đúng nghĩa vụ của mình nhưng ông Ng không nhận thông báo, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng ông Ng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng, điều này cho thấy ông Ng đã tự từ bỏ quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được ký kết ngày 27-8-2019 giữa các bên đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định, việc thỏa thuận lãi suất cho vay phù hợp với Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 nên sự thỏa thuận trên giữa Ngân hàng TMCP S và ông Ng được xem là hợp pháp. Theo tài liệu phía Ngân hàng cung cấp thể hiện khoản nợ gốc là 19.741.641 đồng và lãi quá hạn đến ngày xét xử 07-01-2022 là 16.835.671 đồng, tổng cộng là 36.577.312 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, quy định về việc thỏa

thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng. Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện trên của Ngân hàng TMCP S.

[4] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc ông Danh Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số nợ phải trả cho Ngân hàng là: $36.577.312 \text{ đồng} \times 5\% = 1.828.865 \text{ đồng}$.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí; Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006823 ngày 09-12-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

2. Buộc ông Danh Ng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vay gốc là 19.741.641 đồng và lãi suất tính đến ngày xét xử 07-01-2022 là 16.835.671, tổng cộng gốc và lãi là 36.577.312 đồng (Ba mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (07-01-2022), ông Danh Ng còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Danh Ng có nghĩa vụ nộp án phí là 1.828.865 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006823 ngày 09-12-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Xuân

